

Bản án số: 22/2024/HS-ST

Ngày: 27/02/2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Kiên Cường. Nghề nghiệp: Cán bộ - Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Bắc Kạn.

2. Bà Phan Thị Huyền. Nghề nghiệp: Giáo viên - Trường trung học phổ thông Bắc Kạn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2024/HSST ngày 24/01/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST - HS ngày 16 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Bùi Xuân H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 28 tháng 8 năm 1994 tại tỉnh B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 13, phường S, thành phố B, tỉnh B1; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn L và bà Triệu Thị Nh; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: 01 (Ngày 04/4/2016, bị TAND thành phố B1 xử phạt 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự, chưa được xóa án tích); nhân thân: Ngày 11/11/2019, bị Công an thành phố B1 ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác, mức phạt 2.500.000đ; tại bản án hình sự sơ thẩm số 15/2024/HS-ST ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố B1, tỉnh B đã xử phạt Bùi Xuân H 08 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2023.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam trong vụ án này; đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B trong vụ án “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” từ ngày 18/7/2023 cho đến nay. Có mặt.

* **Bị hại:** Anh **Bùi Quang H1**, sinh năm 2007; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Tổ 13, phường S, thành phố B1, tỉnh B. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà **Bùi Thị H**, sinh năm 1961; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Tổ 14, phường S, thành phố B1, tỉnh B. Vắng mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. **Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn HDS**. Địa chỉ: Lầu 8,9,10 Tòa nhà Gilimex 24C, Ph, phường 6, quận B, thành phố H. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đào Văn L1** – Chuyên viên Pháp lý tổ tụng. Vắng mặt.

2. Anh **Phạm Văn C**, sinh năm 1984; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Tổ 2, phường Đ, thành phố B1, tỉnh B. Vắng mặt.

** Người làm chứng:* Anh **Nguyễn Trung Đ**, sinh năm 1995; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Thôn Ph, xã D, thành phố B1, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ họ hàng nên chiều ngày 04/6/2023, Bùi Xuân H đến nhà anh Bùi Quang H1 tại tổ 13, phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn chơi và hỏi mượn anh Hiếu chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu xanh, biển kiểm soát 97B2-157.xx của anh H1 để đi chơi và hẹn đến buổi tối cùng ngày sẽ trả thì được anh H1 đồng ý cho mượn và giao xe cùng chìa khóa xe. Sau khi nhận xe, H điều khiển xe đi chơi quanh khu vực thành phố B1, đến chiều tối cùng ngày, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên H đã nảy sinh ý định mang chiếc xe mượn của anh H1 đi cầm cố để lấy tiền. Thực hiện ý định, H điều khiển xe đến nhà anh Nguyễn Trung Đ tại thôn Ph, xã D, thành phố B1 là bạn của H chơi rồi hỏi anh Đ có biết chỗ nào cầm cố xe không có giấy tờ không? Anh Đ đã hỏi xe của ai thì H nói đây là xe của H, do mua xe trả góp nên không có giấy tờ xe nên anh Đ gọi điện thoại cho anh Phạm Văn C là bạn của Đ hỏi về việc H muốn cầm cố xe thì anh C đồng ý và hẹn gặp H tại quán ăn đêm “Chinh 27” tại đường Kon Tum, thuộc tổ 1A, phường Đ, thành phố B1 để trao đổi cụ thể về việc cầm cố chiếc xe. Sau đó, H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 97B2-157.xx đến quán ăn đêm “Chinh 27” gặp anh C. Tại đây, H nói với anh C về việc xe mô tô biển kiểm soát 97B2-157.96 là của H mua trả góp nên không có giấy tờ xe do cần tiền nên H muốn cầm cố. Sau khi trao đổi, thỏa thuận anh Cảnh đã đồng ý nhận cầm cố với số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) trong thời gian 15 ngày. Anh C đưa trực tiếp cho H số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) và chuyển từ tài khoản Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ của anh C đến tài khoản Ngân hàng Thương mại cổ phần T số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Sau khi nhận được tiền, H đã giao xe mô tô và chìa khóa xe cho anh C rồi đi về. Sau đó, trong các ngày 05 và 07/6/2023, do cần tiền để tiêu xài cá nhân nên H tiếp tục nhờ anh Đ bảo anh C chuyển thêm tiền vào tài khoản cá nhân của H 02 lần, mỗi lần chuyển số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Tổng số tiền Bùi Xuân H nhận từ anh Phạm Văn C là 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Sau khi nhận số tiền trên từ anh C, H đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 07/6/2023, anh H gọi điện thoại cho H yêu cầu trả xe thì H nói dối anh H là xe bị hỏng nên đang mang đi sửa. Những ngày sau đó, anh H đã nhiều lần

đến nhà H để lấy xe nhưng đều không gặp H. Ngày 02/7/2023, anh Hiếu trực tiếp gặp H tại đầu ngõ nhà H và yêu cầu trả xe thì H nói là xe đã mang đi cầm cố, khi nào có tiền H sẽ chuộc xe đem về trả cho anh H, nhưng anh H không đồng ý và yêu cầu H phải trả xe ngay thì Hải bỏ chạy rồi đi khỏi địa phương, đồng thời cắt liên lạc với anh H nên anh H đã làm đơn trình báo đề nghị Cơ quan Công an yêu cầu giải quyết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 164/KL-HĐĐGTSTXTTTHS ngày 13/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố B1 kết luận: “01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn xanh bạc BKS 97B2-157.xx đã qua sử dụng, sản xuất năm 2022, có số khung RLHJA3927NY403912, số máy JA39E2818033. Giá trị tài sản là 13.000.000đ (mười ba triệu đồng chẵn)”.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 22/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với Bùi Xuân H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù. Tổng hợp với hình phạt 08 năm 06 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 15/2024/HS-ST ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố B1, tỉnh B. Buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung của cả hai bản án là 10 (mười) năm đến 10 năm 6 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/7/2023.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận việc truy tố, xét xử bị cáo là không oan, đúng người, đúng tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau.

Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo thống nhất với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có cơ sở khẳng định:

Ngày 04/6/2023 tại tổ 13, phường S, thành phố B1, tỉnh B, Bùi Xuân H đã có hành vi mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97B2-157.96 trị giá 13.000.000 đồng của anh Bùi Quang H1 để sử dụng. Sau khi mượn được xe, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên H nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe và đã có hành vi gian dối, mang cầm cố chiếc xe cho anh Phạm Văn C được số tiền là 4.500.000 đồng và đã chi tiêu cá nhân hết số tiền trên, sau đó không có khả năng trả lại xe cho anh Bùi Quang H1.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Do vậy, việc truy tố, xét xử bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo không có tiền sự; tiền án: 01 (Ngày 04/4/2016, bị TAND thành phố B1 xử phạt 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”); **nhân thân:** Ngày 11/11/2019, bị Công an thành phố B1 ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác, mức phạt 2.500.000đ. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 15/2024/HS-ST ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố B1, tỉnh B đã xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả cho anh Phạm Văn C số tiền 4.500.000 đồng, có ông ngoại được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến và được bị

hại, người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có 01 tiền án, chưa được xóa án tích, do vậy phải chịu 01 tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo đã nhiều lần vi phạm pháp luật, bị xử lý hình sự, hành chính nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà còn tiếp tục phạm tội. Bởi vậy, cần phải có một mức án thật nghiêm khắc mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

* Tại bản án hình sự sơ thẩm số 15/2024/HS-ST ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố B1, tỉnh B đã xử phạt Bùi Xuân H 08 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2023. Hiện nay bản án đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

* Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung "Phạt tiền" đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có đề nghị nhận lại chiếc xe mô tô bị cáo đã chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì. Tại phiên tòa bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu bồi thường gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn C đã nhận lại số tiền 4.500.000 đồng đã bỏ ra khi nhận cầm cố chiếc xe. Tại phiên tòa anh Cảnh vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu bồi thường gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn HDS là đơn vị nhận thế chấp chiếc xe BKS 97B2-157.xx khi cho vay mua xe trả góp. Tại thời điểm bị chiếm đoạt chiếc xe đang là tài sản thế chấp của Công ty. Ngày 04/01/2024, hợp đồng vay mua xe trả góp đã tất toán nên chiếc xe không còn là tài sản thế chấp nữa nên Công ty không có ý kiến gì về chiếc xe và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu, đề nghị gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về vật chứng: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu xanh bạc, biển kiểm soát 97B2-157.xx (không có gương chiếu hậu) xe cũ đã qua sử dụng, qua điều tra xác định chiếc xe là tài sản do anh Bùi Quang H1 quản lý, sử dụng. Tại phiên tòa anh H1 và người đại diện hợp pháp vắng mặt nhưng đơn xin xét xử vắng mặt và có đề nghị nhận lại chiếc xe nên cần trả lại chiếc xe cho anh H.

Đối với số tiền 4.500.000 đồng do bị cáo cầm cố chiếc xe, bị cáo đã sử dụng hết nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với anh Phạm Văn C là người nhận cầm cố chiếc xe. Qua điều tra xác định khi nhận cầm cố xe, anh C không biết là tài sản do bị cáo mượn của người khác rồi mang đi cầm cố nên không xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Bùi Xuân H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

* Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Bùi Xuân H 20 (Hai mươi) tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt 08 năm 06 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 15/2024/HS-ST ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố B1, tỉnh B. Buộc bị cáo Bùi Xuân H phải chịu hình phạt chung của cả hai bản án là 10 (mười) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/7/2023.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho anh Bùi Quang H1 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu xanh bạc, biển kiểm soát 97B2-157.xx (không có gương chiếu hậu) xe cũ đã qua sử dụng.

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận giữa Công an thành phố Bắc Kạn và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. **Được trừ vào số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tạm thu đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000573 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn.**

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh ;
- VKSND thành phố;
- Cơ quan CSĐT Công an

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

thành phố;

- Cơ quan Thi hành án hình sự

Công an thành phố;

- Chi cục THADS thành phố;

- Sở tư pháp;

- Nhà tạm giữ Công an thành phố;

- Bị cáo;

- Bị hại, người đại diện của bị hại;

- Người liên quan;

- Lưu hồ sơ;

- Lưu VP.

Trần Thị Dương